

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung của học phần

1.1 Mã học phần: 2022093	1.2 Tên học phần: Thuế
1.3. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt	1.4. Tên tiếng Anh: Tax
1.5. Số tín chỉ: 03	
1.6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	15 tiết
- Thực hành	
- Tự học:	90 giờ
1.7. Các giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Nguyễn Thanh Sơn
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Lý Phát Cường
1.8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Kinh tế học vi mô
- Học phần học trước:	
1.9. Đơn vị phụ trách học phần:	Bộ môn Kế toán/ Khoa Kinh tế - Tài chính
1.10. Ngành đào tạo:	Kế toán

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Trang bị cho sinh viên tổng quát những quy định hiện hành của các sắc thuế, các quy định về luật quản lý thuế, đồng thời cập nhật, nắm bắt kịp thời những phần thay đổi của các bộ luật thuế sao cho phù hợp với các nước trong khu vực và trên thế giới, từ đó đáp ứng yêu cầu thực thi pháp luật thuế trong xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có khả năng:

2.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày một cách có hệ thống về các loại thuế, phạm vi áp dụng và sự vận hành của chúng trong nền kinh tế xã hội;
- Trình bày được hệ thống các văn bản pháp luật cơ bản liên quan đến thuế;
- Giải thích được ý nghĩa và diễn giải nội dung chính của luật thuế về các sắc thuế và phí lệ phí.

2.2.2. Về kỹ năng:

- Áp dụng được quy định pháp lý vào tình huống quản lý thuế, tính thuế, kê khai, quyết toán thuế;

- Áp dụng phương pháp kê khai tính thuế, hoàn thuế... tại các doanh nghiệp.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội.

- Tôn trọng pháp luật về thuế;

- Có ý thức phục vụ tổ chức, cộng đồng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với vị trí của mình đối với tổ chức, xã hội.

3. Chuẩn đầu ra của HP

Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được hệ thống các văn bản pháp luật cơ bản liên quan đến thuế;
CLO2	Trình bày những vấn đề chung về nguồn gốc xuất hiện, khái niệm, bản chất, vai trò của thuế;
CLO3	Giải thích được ý nghĩa và diễn giải nội dung chính của luật thuế về các sắc thuế và phí lệ phí;
CLO4	Áp dụng được quy định pháp lý vào tình huống quản lý thuế;
CLO5	Áp dụng được các qui định hiện hành về các loại thuế ở Việt Nam;
CLO6	Áp dụng phương pháp kê khai tính thuế, hoàn thuế, ... tại các doanh nghiệp

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H)

Bảng 4.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	PLO1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
CLO 1	H	H							L	M
CLO 2	H	M							L	M
CLO 3	H	M			L				M	M
CLO4	M	M			M				M	M
CLO5	M	M			M				M	H
CLO6	M	M			H				M	M
Tổng hợp học phần	H	H			M				M	M

5. Đánh giá HP

a. *Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP*

Bảng 5.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Đánh giá	Trọng số	Hình thức đánh giá	Nội dung	Trọng số con	Phương pháp đánh giá	Lquan đến CDR	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
(1) Điểm quá trình	40%	Chuyên cần	Tham gia đủ 80 % số buổi	20%		CLO 1 CLO 2	- Điểm danh - Đánh giá hoạt động trên lớp
		Kiểm tra giữa kỳ	Tuần 10, các chương từ 1-5	20%	Bài thi giữa kỳ	CLO 3	- Bài thi tự luận
		40%		CLO 3	
(2) Điểm cuối kỳ	60%	Thi cuối kỳ	(Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT).	60%	Bài thi kết thúc HP	CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	- Bài thi tự luận

b. Chính sách đối với HP

- Điểm Chuyên cần được tính như sau:
Sinh viên tham gia > 12 buổi học: 10 điểm;
10-11 buổi học : 9 điểm;
08-09 buổi học : 8 điểm;
06-07 buổi học : 7 điểm;
04-05 buổi học : 5 điểm;
< 04 buổi học : 0 điểm;
- Điểm Kiểm tra thường xuyên là điểm khuyến khích sinh viên học tập chủ động, sáng tạo trong suốt quá trình học; được cho dưới hình thức điểm cộng hoặc trừ, và được cộng dồn trong cả quá trình học;
- Điểm cuối cùng của Kiểm tra thường xuyên là từ 0 đến 10 (không có điểm âm);
- Sinh viên đạt điểm Kiểm tra thường xuyên > 10 sẽ được cộng phần dư vào điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Bài thi kết thúc HP sẽ dùng để đánh giá mức độ kiến thức đối với HP như sau:
+ Điểm 4,0-5,4: SV đáp ứng yêu cầu đánh giá ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.
+ Điểm 5,5-6,9: SV thể hiện được khả năng sử dụng các nội dung lý thuyết khi đưa ra các kết luận trong bài thi.
+ Điểm 7,0-8,4: SV thể hiện được khả năng lập luận logic, mạch lạc, kết cấu hợp lý được khi đưa ra các kết luận trong bài thi.
+ Điểm 8,5-10: SV thể hiện được tuy duy sáng tạo, tư duy tổng hợp cao trong bài thi; vận dụng được các thông tin và lập luận xác đáng/thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 6.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP

Tuần/ Tiết	Nội dung	Số tiết (LT/ TH/ TT)	CDR của bài học	Lquan đến CDR	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1. Tổng quan thuế 1.1. Khái niệm và bản chất của thuế	3	1.1. Trình bày được khái niệm, bản chất của thuế	CLO 1 CLO 2 CLO 3	-Thuyết giảng kiểu tích cực	- Nghe giảng	

	1.2.Chức năng, vai trò của thuế 1.3.Đặc điểm của thuế và phân loại thuế		1.2. Trình bày được chức năng, vai trò của thuế		- Phát ý tưởng	- Nhận xét và Phát ý tưởng	
2	Chương 1. Tổng quan thuế (tt) 1.4.Mục tiêu của thuế 1.5.Cải cách thuế Việt Nam qua từng thời kỳ: từ năm 1990 – 2015 1.6.Mục tiêu cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2015-2025 1.7. Các yếu tố cấu thành luật thuế	3	1.3. Trình bày được mục tiêu của thuế, mục tiêu cải cách thuế 1.4. Trình bày được các yếu tố cấu thành luật thuế	CLO 1 CLO 2 CLO 3	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Phát ý tưởng	- Nghe giảng - Nhận xét và Phát ý tưởng	
3	Chương 2: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2.1. Khái quát thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2.2. Hàng hóa thuộc diện chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2.3. Người nộp thuế 2.4. Phương pháp tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2.5. Cách xác định giá tính thuế nhập khẩu	3	2.1. Trình bày được khái quát thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2.2. Trình bày được hàng hóa chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2.3. Trình bày được phương pháp tính thuế, giá tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Thuyết giảng kiểu tích cực	- Nghe giảng	Kiểm tra thường xuyên
4	Chương 2: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (tt) 2.6. Thuế suất thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu 2.7. Biện pháp tự vệ 2.8. Trường hợp được xét miễn, giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2.9. Hoàn lại thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2.10. Thẻ thức khai báo và thu nộp thuế, hoàn thuế 2.11. Nội dung cải cách thuế xuất khẩu, nhập khẩu giai đoạn 2015 – 2025 2.12. Văn bản pháp luật	3	2.6. Trình bày được thuế suất và biện pháp tự vệ 2.8. Vận dụng được miễn giảm thuế, hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2.9. Vận dụng được khai báo và thu nộp thuế, hoàn thuế 2.11. Trình bày được nội dung cải cách thuế	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Thuyết giảng kiểu tích cực - Làm bài tập mẫu	- Nghe giảng - Làm bài tập và vận dụng vào thực tế	Kiểm tra thường xuyên
5	Chương 3: Thuế Tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)	3	3.1. Trình bày được khái niệm và tác	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Thuyết giảng kiểu tích cực	- Nghe giảng	Kiểm tra

	<p>3.1. Khái niệm và tác dụng</p> <p>3.2. Đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế</p> <p>3.3. Các trường hợp hàng hóa không chịu thuế TTĐ</p>		<p>dụng thuế TTĐB</p> <p>3.2. Trình bày được đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế; hàng hóa không chịu thuế TTĐ</p>				thường xuyên
6	<p>Chương 3: Thuế Tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) (tt)</p> <p>3.4. Căn cứ tính thuế</p> <p>3.5. Phương pháp tính thuế</p> <p>3.6. Đăng ký kê khai thuế</p> <p>3.7. Quyết toán thuế</p> <p>3.8. Ấn định thuế TTĐB của cơ quan thuế</p> <p>3.9. Hoàn thuế</p> <p>3.10. Miễn giảm thuế</p> <p>3.11. Hoàn thiện luật thuế TTĐB</p> <p>3.12. Văn bản pháp luật</p>	3	<p>3.3. Vận dụng được phương pháp tính thuế; đăng ký – kê khai thuế;</p> <p>3.7. Vận dụng được quyết toán thuế; ấn định thuế; hoàn Thuế; miễn giảm thuế</p> <p>3.11. Trình bày được nội dung cải cách thuế</p>	<p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	- Làm bài tập mẫu	- Làm bài tập và vận dụng vào thực tế	Kiểm tra thường xuyên
7	<p>Chương 4: Thuế Bảo vệ môi trường (BVMT)</p> <p>4.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò thuế BVMT</p> <p>4.2. Đối tượng chịu thuế BVMT</p> <p>4.3. Đối tượng không thuộc diện chịu thuế BVMT</p> <p>4.4. Người nộp thuế</p> <p>4.5. Phương pháp tính thuế</p> <p>4.6. Căn cứ tính thuế</p> <p>4.7. Thời điểm tính thuế</p> <p>4.8. Hoàn thuế</p> <p>4.9. Văn bản pháp luật</p>	3	<p>4.1. Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò thuế BVMT</p> <p>4.2. Trình bày được đối tượng chịu thuế, đối tượng không thuộc diện chịu thuế BVMT</p> <p>4.3. Vận dụng được phương pháp tính thuế; căn cứ tính thuế; hoàn thuế BVMT</p>	<p>CLO 1</p> <p>CLO 2</p> <p>CLO 3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>Thuyết giảng kiểu tích cực</p> <p>- Làm bài tập mẫu</p>	- Nghe giảng	Kiểm tra thường xuyên
8	<p>Chương 5: Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)</p> <p>5.1. Khái niệm, tác dụng và ưu điểm của thuế GTGT</p> <p>5.2. Người nộp thuế</p> <p>5.3. Đối tượng chịu thuế</p> <p>5.4. Hàng hóa dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT</p>	3	<p>5.1. Trình bày được khái niệm, tác dụng và ưu điểm của thuế GTGT</p> <p>5.2. Trình bày được người nộp thuế; đối tượng chịu thuế; hàng hóa dịch vụ không thuộc diện</p>	<p>CLO 1</p> <p>CLO 2</p> <p>CLO 3</p>	<p>Thuyết giảng kiểu tích cực</p>	- Nghe giảng	Kiểm tra thường xuyên

	5.5. Các trường hợp không phải kê thuế, tính thuế GTGT		chịu thuế GTGT;				
9	Chương 5: Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)(tt) 5.6. Căn cứ tính thuế 5.7. Phương pháp tính thuế 5.8. Hoàn thiện luật thuế GTGT 5.9. Hoàn thuế GTGT 5.10. Khiếu nại 5.11. Văn bản pháp luật	2	5.3. Vận dụng được căn cứ, phương pháp tính thuế; hoàn thuế GTGT; xét khiếu nại 5.4. Trình bày được nội dung cải cách thuế	CLO4 CLO5 CLO6	- Làm bài tập mẫu	- Làm bài tập và vận dụng vào thực tế	Kiểm tra thường xuyên
10	Chương 6: Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 6.1. Khái niệm và tác dụng 6.2. Người nộp thuế 6.3. Thu nhập chịu thuế 6.4. Thu nhập được miễn thuế	3	6.1. Trình bày được khái niệm và tác dụng; 6.2. Trình bày được người nộp thuế; thu nhập chịu thuế; thu nhập được miễn thuế	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Thuyết giảng kiểu tích cực	- Nghe giảng	Kiểm tra thường xuyên
11	Chương 6: Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) (tt) 6.5. Căn cứ tính thuế 6.6. Kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế 6.7. Hoàn thiện luật thuế TNDN trong giai đoạn 2015 đến năm 2025 6.8. Thuế TNDN một số nước ASEAN 6.9. Văn bản pháp luật	3	6.5. Vận dụng được Căn cứ tính thuế; kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế GTGT 6.6. Trình bày được nội dung hoàn thiện luật thuế TNDN	CLO4 CLO5 CLO6	- Làm bài tập mẫu	- Làm bài tập và vận dụng vào thực tế	Kiểm tra thường xuyên
12	Chương 7: Thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) 7.1. Khái niệm và tác dụng 7.2. Đặc điểm thuế TNCN 7.3. Thu nhập chịu thuế TNCN 7.4. Các khoản thu nhập không chịu thuế TNCN 7.5. Các khoản thu nhập được miễn thuế 7.6. Giảm thuế TNCN	3	7.1. Trình bày được khái niệm và tác dụng; 7.2. Trình bày được đặc điểm; thu nhập chịu thuế, không chịu thuế, thu nhập được miễn thuế TNCN 7.3. Trình bày được giảm trừ gia cảnh và các khoản đóng góp từ	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Thuyết giảng kiểu tích cực	- Nghe giảng	

	7.7. Giảm trừ gia cảnh và các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo 7.8. Thu nhập tính thuế TNCN		thiện, nhân đạo; 7.4. Trình bày được thu nhập tính thuế TNCN;				
13	Chương 7: Thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) (tt) 7.9. Thuế suất 7.10. Thu nhập không bao gồm thuế TNCN và phụ cấp nhà 7.11. Phương pháp tính thuế TNCN 7.12. kê khai, quyết toán thuế TNCN 7.13. Nội dung cải cách thuế TNCN giai đoạn năm 2015 đến năm 2025 7.14. Văn bản pháp luật	3	7.9. Vận dụng được phương pháp tính thuế; kê khai, quyết toán thuế TNCN 7.10. Trình bày được nội dung cải cách thuế TNCN giai đoạn năm 2015 đến năm 2025	CLO4 CLO5 CLO6	- Làm bài tập mẫu	- Làm bài tập và vận dụng vào thực tế	Kiểm tra thường xuyên
14	Chương 8: Thuế Tài nguyên (TN) 8.1. Khái niệm về thuế TN 8.2. Đối tượng chịu thuế TN 8.3. Người nộp thuế TN 8.4. Trường hợp không chịu thuế TN 8.5. Căn cứ tính thuế TN 8.6. Phương pháp tính thuế 8.7. Thuế suất 8.8. Kê khai nộp thuế TN 8.9. Các trường hợp miễn thuế TN 8.10. Nội dung cải cách thuế TN giai đoạn năm 2015 đến năm 2025 8.11. Văn bản pháp luật	3	8.1. Trình bày được khái niệm đối tượng chịu thuế TN 8.2. Trình bày được người nộp thuế; trường hợp không chịu thuế TN 7.5. Vận dụng được căn cứ tính thuế; thuế suất; kê khai nộp thuế, miễn thuế TN 7.6. Trình bày được nội dung cải cách thuế TN giai đoạn năm 2015 đến năm 2025	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng kiểu tích cực - Làm bài tập mẫu	- Nghe giảng - Làm bài tập và vận dụng vào thực tế	Kiểm tra thường xuyên
15	Làm bài tập, Ôn Tập	1					

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu:

Bảng 7.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	TS. Nguyễn Thanh Sơn – Chủ biên và các giảng viên trong bộ môn	2018	Giáo trình thuế	Được nghiệm thu tại trường ĐH Ngoại Ngữ - Tin Học TP.HCM
Sách, giáo trình tham khảo				
2	TS. Lê Quan Cường, TS. Nguyễn Thị Kim Luyến	2015	Giáo trình thuế 1	NXB: Kinh Tế TP.HCM
3	ThS. Khúc Đình Nam, ThS. Nguyễn Thu Hiền, ThS. Nguyễn Thị Bình Minh	2015	Thuế	NXB: Lao Động
4	Tổng Cục Thuế	2018	Một số lưu ý khi kê khai quyết toán thuế 2018 và thực hiện chính sách thuế mới sửa đổi bổ sung	NXB: Tài Chính
5		2019	Slides bài giảng của giáo viên	

Bảng 7.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Luật Thuế	http://www.mof.gov.vn	
2	Luật Thuế	http://www.gdt.gov.vn	

8.Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:**Bảng 8.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP**

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Cơ sở A hoặc D	Máy chiếu	01	Toàn bộ HP
2	Cơ sở A hoặc D	Bảng, viết bảng	01	

TP.HCM, ngày tháng năm 2019

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

